

**PHỤ LỤC 6**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH  
KHOA SƯ PHẠM**



**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Tên chương trình: Giáo dục Mầm non

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

Mã ngành: 7140201

Hình thức đào tạo: Chính quy

Khoa: Khoa Sư phạm

**TRÀ VINH, 2021**

## MỤC LỤC

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (General Information).....	1
B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program Objectives and Program Learning Outcomes) .....	2
II. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes).....	2
1. Chuẩn đầu ra .....	2
2. Ma trận các học phần – Chuẩn đầu ra CTĐT ( <i>theo phụ lục B.II.2 đính kèm</i> ) .....	3
3. Vị trí việc làm:.....	3
4. Khả năng nâng cao trình độ:.....	3
I. Cấu trúc chương trình (Program structure): 125 tín chỉ.....	3
II. Nội dung chương trình (Program content).....	4
D. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY ( <i>dự kiến</i> ) (Tentative teaching plan) .....	7
E. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN (Brief descriptions of courses).....	12
F. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Course syllabuses).....	28
G. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH (Teaching staff).....	28
H. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP (Learning resources).....	30
I. Cơ sở vật chất (Infrastructure) .....	30
II. Danh mục sách, giáo trình (Books) .....	31
I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program guidelines) .....	35
J. ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program evaluation and improvement).....	36
K. CĂN CỨ CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	37

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 7610/QĐ-ĐHTV, ngày 31 tháng 12 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh)*

### **A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (General Information)**

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Giáo dục Mầm non  
Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Early Childhood Education
2. Trình độ đào tạo: Đại học
3. Mã ngành đào tạo: 7140201
4. Loại hình đào tạo: Chính quy
5. Số tín chỉ yêu cầu: 125
6. Thời gian đào tạo: 3.5 năm
7. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ giáo dục & Đào tạo và Quy định của trường Đại học Trà Vinh.
8. Thang điểm: 10
9. Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Bộ giáo dục & Đào tạo và Quy định của trường Đại học Trà Vinh.
10. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân
11. Chương trình đào tạo chuẩn tham khảo:
  - 11.1. *Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.*
  - 11.2. *Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Sài Gòn*
  - 11.3. *Chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Tây Bắc*

**B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO****(Program Objectives and Program Learning Outcomes)****I. Mục tiêu đào tạo (Program Objectives)**

*Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Trà Vinh trở thành người:*

- PO1: phát triển các hoạt động chăm sóc-giáo dục trẻ có nhu cầu riêng biệt.
- PO2: quản lý các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục mầm non.
- PO3: thích ứng với môi trường làm việc thay đổi, gắn kết với nghề giáo viên mầm non;

**II. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes)****1. Chuẩn đầu ra**

<b>KẾT QUẢ HỌC TẬP MONG ĐỢI</b>	
<b>SAU KHI HOÀN TẤT CHƯƠNG TRÌNH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CÓ THỂ:</b>	
<b>KIẾN THỨC TỔNG QUÁT</b>	
PLO 1	Áp dụng những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào hoạt động chuyên môn.
<b>KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN</b>	
PLO2	Hệ thống hóa kiến thức về khoa học giáo dục mầm non và kiến thức liên ngành khác trong hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non;
PLO 3	Thiết kế các hoạt động giáo dục trẻ theo định hướng phát triển toàn diện, lấy trẻ làm trung tâm;
<b>KỸ NĂNG MỀM</b>	
PLO 4	Giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, làm việc độc lập, quản lý thời gian, tư duy phản biện, giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa trong hoạt động nghề nghiệp;
PLO 5	Phát triển khả năng tự học, học tập suốt đời, tư duy sáng tạo, đổi mới và tinh thần khởi nghiệp;
<b>KỸ NĂNG CHUYÊN MÔN</b>	
PLO6	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non;
PLO7	Xây dựng và tổ chức kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo từng độ tuổi đảm bảo chế độ sinh hoạt khoa học và hợp lý;
PLO8	Thực hiện các loại hình nghệ thuật trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ;
PLO9	Tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục mầm non
<b>THÁI ĐỘ</b>	
PLO 10	Tuân thủ pháp luật, đạo đức nhà giáo; thể hiện lối sống lành mạnh, yêu nghề, mến trẻ
PLO 11	Thể hiện ý thức rèn luyện nhằm hoàn thiện bản thân, chuyên môn nghiệp vụ

**2. Ma trận các học phần – Chuẩn đầu ra CTĐT (theo phụ lục B.II.2 đính kèm)****3. Vị trí việc làm:**

- Giáo viên mầm non ở các loại hình trường khác nhau, bao gồm cả trường mầm non sử dụng chương trình quốc tế;
- Giảng viên các khoa đào tạo giáo viên mầm non trong các trường sư phạm;
- Chuyên gia khoa học giáo dục mầm non tại các trung tâm, vụ, viện, công ty giáo dục.
- Chuyên viên giáo dục mầm non các cấp;
- Cán bộ quản lý tại cơ sở giáo dục mầm non công lập, tư thục;

**4. Khả năng nâng cao trình độ:**

Sinh viên ngành Giáo dục Mầm non sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn để:

- Tham gia các khóa học, bồi dưỡng ngắn hạn về ngành Giáo dục trong và ngoài nước.
- Học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.
- Học trình độ sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) ngành Giáo dục Mầm non, Quản lý giáo dục tại các trường trong và ngoài nước.

**C. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH (Program structure and content)****I. Cấu trúc chương trình (Program structure): 125 tín chỉ**

<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>49 tín chỉ</b>
- <i>Bắt buộc: 43 tín chỉ</i>	
- <i>Tự chọn: 06 tín chỉ</i>	
○ Kiến thức lý luận chính trị	11 tín chỉ
○ Kiến thức khoa học, xã hội – nhân văn	14 tín chỉ
○ Kiến thức ngoại ngữ	13 tín chỉ
○ Kiến thức Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – CN-MT	03 tín chỉ
○ Kỹ năng ngoại khóa	02 tín chỉ
○ Kiến thức tự chọn:	06 tín chỉ
<i>Chưa kể khối kiến thức Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất:</i>	
○ <i>Giáo dục thể chất</i>	<i>03 tín chỉ</i>
○ <i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh</i>	<i>08 tín chỉ</i>
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>76 tín chỉ</b>
○ Kiến thức cơ sở ngành	<b>23 tín chỉ</b>
- <i>Bắt buộc:</i>	<i>19 tín chỉ</i>
- <i>Tự chọn:</i>	<i>04 tín chỉ</i>

- Kiến thức chuyên ngành **42 tín chỉ**
  - Bắt buộc: 36 tín chỉ
  - Tự chọn: 06 tín chỉ
- Thực tập sư phạm, Tốt nghiệp **11 tín chỉ**

**II. Nội dung chương trình (Program content)**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)			Ghi chú
			TS	LT	TH	
<b>A. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 49 tín chỉ (LT:31; TH:12*chưa kể tự chọn)</b>						
<b>❖ Các học phần bắt buộc</b>			<b>43</b>	<b>31</b>	<b>12</b>	<b>1385</b>
<b>I. Kiến thức lý luận chính trị</b>			<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>385</b>
1.		Triết học Mác – Lênin	3	3	0	105
2.		Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	70
3.		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	70
4.		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	70
5.		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	70
<b>II. Kiến thức Khoa học, Xã hội và Nhân văn</b>			<b>14</b>	<b>10</b>	<b>4</b>	<b>430</b>
6.		Pháp luật đại cương	2	1	1	55
7.		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	2	1	1	55
8.		Giáo dục học đại cương	2	2	0	70
9.		Tâm lý học đại cương	2	1	1	55
10.		Môi trường và phát triển	2	2	0	70
11.		Tiếng Việt mầm non	2	1	1	55
12.		Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý giáo dục đào tạo	2	2	0	70
<b>III. Kiến thức ngoại ngữ</b>			<b>13</b>	<b>8</b>	<b>5</b>	<b>380</b>
13.		Anh văn không chuyên 1	3	2	1	90
14.		Anh văn không chuyên 2	4	2	2	110
15.		Anh văn không chuyên 3	3	2	1	90
16.		Anh văn không chuyên 4	3	2	1	90
<b>IV. Kiến thức Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên</b>			<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>75</b>
17.		Tin học ứng dụng cơ bản	3	1	2	75
<b>V. Kỹ năng ngoại khóa</b>			<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>55</b>
18.		Kỹ năng mềm	02	1	1	55
<b>VI. GDTC và Giáo dục Quốc phòng – An ninh</b>			<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>60</b>
19.		Giáo dục thể chất 1*	1	0	1	20
20.		Giáo dục thể chất 2*	1	0	1	20

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)				Ghi chú
			TS	LT	TH	Giờ tự học và giờ học khác	
				Giờ dự giảng			
21.		Giáo dục thể chất 3*	1	0	1	20	
22.		Giáo dục Quốc phòng – An ninh*	08 tín chỉ				
<b>❖ Các học phần tự chọn:</b>			<b>06</b>				
23.		Mĩ học đại cương	2	1	1	55	
24.		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1	55	
25.		Lịch sử văn hóa giáo dục Việt Nam	2	2	0	70	
26.		Lịch sử giáo dục mầm non	2	2	0	70	
27.		Logic học đại cương	2	1	1	55	
28.		Văn học dân gian Việt Nam	2	1	1	55	
29.		Tâm lý học xã hội	2	1	1	55	
30.		Xã hội học đại cương	2	1	1	55	
<b>B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 76 tín chỉ (LT:31;TH:28 )* chưa kể tự chọn và THTN.</b>							
<b>I. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>23</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>625</b>	
<b>❖ Các học phần bắt buộc</b>			<b>19</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>515</b>	
31.		Sinh lý trẻ em lứa tuổi mầm non	2	2	0	70	
32.		Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	1	2	75	
33.		Mỹ thuật	3	1	2	75	
34.		Giáo dục học mầm non	3	2	1	90	
35.		Âm nhạc mầm non	3	1	2	75	
36.		Văn học trẻ em	2	1	1	55	
37.		Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	1	1	55	
38.		Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	1	0	1	20	
<b>❖ Các học phần tự chọn</b>			<b>04</b>	<b>02</b>	<b>02</b>	<b>110</b>	
39.		Dinh dưỡng trẻ mầm non	2	1	1	55	
40.		Lý luận dạy học mầm non hiện đại	2	1	1	55	
41.		Tâm lý học gia đình và giáo dục gia đình	2	1	1	55	
<b>II. Kiến thức chuyên ngành: 42 tín chỉ (LT:20 ; TH:16 * chưa kể tự chọn )</b>							
<b>❖ Các học phần bắt buộc</b>			<b>36</b>	<b>20</b>	<b>16</b>	<b>920</b>	
42.		Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	1	1	55	
43.		Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	2	2	0	70	
44.		Phương pháp cho trẻ làm quen với tác	3	2	1	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)				Ghi chú
			TS	LT	TH	Giờ tự học và giờ học khác	
				Giờ dự giảng			
		phẩm văn học					
45.		Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	2	1	90	
46.		Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	2	1	90	
47.		Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3	2	1	90	
48.		Lý luận và phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3	2	1	90	
49.		Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	2	1	90	
50.		Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	3	2	1	90	
51.		Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	1	1	55	
52.		Nghề giáo viên mầm non	2	1	1	55	
53.		Vệ sinh – Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	1	1	55	
54.		Kiến tập sư phạm	1	0	1	2 tuần	
55.		Thực tập sư phạm	4	0	4	8 tuần	
<b>❖ Các học phần tự chọn</b>			<b>06</b>				
56.		Quản lý giáo dục mầm non	2	2	0	70	
57.		Phương pháp cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh	2	1	1	55	
58.		Giao tiếp sư phạm mầm non	2	1	1	55	
59.		Tâm bệnh học trẻ em và giáo dục hòa nhập ở trường mầm non	2	2	0	55	
60.		Phương pháp dạy múa và dàn dựng chương trình văn nghệ ở trường mầm non	2	0	2	40	
61.		Trò chơi dân gian cho trẻ mầm non	2	1	1	55	
<b>III. Tốt nghiệp</b>			<b>11</b>	<b>0</b>	<b>4</b>		
62.		Thực tập sư phạm 2	4	0	4	8 tuần	
63.	TH1	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7	10 tuần	
	TH2	Hoặc học phần thay thế:	7	6	1	230	



TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)			Ghi chú	
			TS	LT	TH		Giờ tự học và giờ học khác
				Giờ dự giảng			
		- Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2	1	1	55	
		- Giáo dục môi trường trong trường mầm non	2	2	0	70	
		- Các mô hình giáo dục mầm non trên thế giới	3	3	0	105	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>125</b>	<b>60</b>	<b>38</b>		
				Chưa kể TC và THPT			

**D. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (dự kiến) (Tentative teaching plan)**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết		Thực hành		Giờ tự học và giờ học khác	Ghi chú
				Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ		
<b>• HỌC KỲ I</b>									
<b>1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>15</b>	<b>11</b>	<b>165</b>	<b>4</b>	<b>120</b>	<b>465</b>	
1.		Giáo dục thể chất 1*	1	0	0	1	30	20	
2.		Giáo dục Quốc phòng- An ninh	08 tín chỉ						
3.		Anh văn không chuyên 1	3	2	30	1	30	90	
4.		Triết học Mác – Lênin	3	3	45	0	0	105	
5.		Tin học ứng dụng cơ bản	3	1	15	2	60	75	
6.		Tâm lý học đại cương	2	1	15	1	30	55	
7.		Giáo dục học đại cương	2	2	30	0	0	70	
8.		Môi trường và phát triển	2	2	30	0	0	70	
<b>2. Các học phần tự chọn</b>			<b>04</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>2</b>	<b>60</b>	<b>110</b>	
9.		Logic học đại cương	2	1	15	1	30	55	
10.		Xã hội học đại cương	2	1	15	1	30	55	
11.		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	15	1	30	55	
<b>Tổng cộng</b>			<b>19</b>	<b>13</b>	<b>165</b>	<b>6</b>	<b>180</b>	<b>575</b>	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết		Thực hành		Giờ tự học và giờ học khác	Ghi chú
				Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ		

• HỌC KỲ II								•	
<b>1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>17</b>	<b>10</b>	<b>150</b>	<b>7</b>	<b>240</b>	<b>490</b>	
12.		Giáo dục thể chất 2*	1	0	0	1	30	20	
13.		Anh văn không chuyên 2	4	2	30	2	60	110	
14.		Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	30	0	0	70	
15.		Pháp luật đại cương	2	1	15	1	30	55	
16.		Sinh lý trẻ em lứa tuổi mầm non	2	2	30	0	0	70	
17.		Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	1	15	2	60	75	
18.		Tiếng Việt mầm non	2	1	15	1	30	55	
19.		Kỹ năng mềm	2	1	15	1	30	55	
<b>2. Các học phần tự chọn</b>			<b>02</b>						
20.		Lịch sử giáo dục mầm non	2	2	30	0	0	70	
21.		Mĩ học đại cương	2	1	15	1	30	55	
22.		Tâm lý học xã hội	2	1	15	1	30	55	
<b>Tổng cộng</b>			<b>19</b>	<b>10</b>	<b>150</b>	<b>7</b>	<b>210</b>	<b>490</b>	
				<i>Chưa kể tự chọn</i>					

HỌC KỲ III									
<b>1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>18</b>	<b>10</b>	<b>150</b>	<b>8</b>	<b>240</b>	<b>510</b>	
23.		Giáo dục thể chất 3*	1	0	0	1	30	20	
24.		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	30	0	0	70	
25.		Anh văn không chuyên 3	3	2	30	1	30	90	
26.		Mỹ thuật	3	1	15	2	60	75	
27.		Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	1	15	1	30	55	
28.		Giáo dục học mầm non	3	2	30	1	30	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết		Thực hành		Giờ tự học và giờ học khác	Ghi chú
				Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ		
29.		Âm nhạc mầm non	3	1	15	2	60	75	
30.		Văn học trẻ em	2	1	15	1	30	55	
<b>2. Các học phần học tự chọn</b>			<b>02</b>						
31.		Văn học dân gian Việt Nam	2	1	15	1	30	55	
32.		Lịch sử văn hóa giáo dục Việt Nam	2	2	30	0	0	70	
33.		Dinh dưỡng trẻ mầm non	2	1	15	1	30	55	
<b>Tổng cộng</b>			<b>20</b>	<b>10</b>	<b>150</b>	<b>8</b>	<b>240</b>	<b>510</b>	
				<i>Chưa kể tự chọn</i>					

<b>HỌC KỲ IV</b>									
<b>1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>16</b>	<b>10</b>	<b>150</b>	<b>6</b>	<b>230</b>	<b>450</b>	
34.		Anh văn không chuyên 4	3	2	30	1	30	90	
35.		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30	0	0	70	
36.		Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	1	15	1	30	55	
37.		Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	2	2	30	0	0	70	
38.		Ứng dụng công nghệ thông tin trong Giáo dục mầm non	1	0	0	1	30	20	
39.		Lý luận và phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3	2	30	1	30	90	
40.		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	2	1	15	1	30	55	
41.		Kiến tập sư phạm	1	0	0	1	80		2 tuần
<b>2. Các học phần tự chọn</b>			<b>02</b>	<b>1</b>	<b>15</b>	<b>1</b>	<b>30</b>	<b>55</b>	
42.		Lý luận dạy học mầm non hiện đại	2	1	15	1	30	55	
43.	<b>F</b>	Tâm lý học gia đình và giáo dục gia đình	2	1	15	1	30	55	
<b>Tổng cộng</b>			<b>20</b>	<b>11</b>	<b>165</b>	<b>7</b>	<b>210</b>	<b>525</b>	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết		Thực hành		Giờ tự học và giờ học khác	Ghi chú
				Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ		

<b>HỌC KỲ V</b>									
<b>1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>15</b>	<b>10</b>	<b>150</b>	<b>5</b>	<b>150</b>	<b>450</b>	
44.		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	30	0	0	70	
45.		Vệ sinh – Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	1	15	1	30	55	
46.		Nghề giáo viên mầm non	2	1	15	1	30	55	
47.		Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	2	30	1	30	90	
48.		Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3	2	30	1	30	90	
49.		Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	2	30	1	30	90	
<b>2. Các học phần tự chọn</b>			<b>02</b>	<b>1</b>	<b>15</b>	<b>1</b>	<b>30</b>	<b>55</b>	
50.		Tâm bệnh học trẻ em và giáo dục hòa nhập ở trường mầm non	2	1	15	1	30	55	
51.		Giao tiếp sư phạm mầm non	2	1	15	1	30	55	
52.		Trò chơi dân gian cho trẻ mầm non	2	1	15	1	30	55	
<b>Tổng cộng</b>			<b>17</b>	<b>11</b>	<b>165</b>	<b>6</b>	<b>180</b>	<b>505</b>	
				<i>Chưa kể tự chọn</i>					

<b>HỌC KỲ VI</b>									
<b>1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>15</b>	<b>7</b>	<b>105</b>	<b>8</b>	<b>440</b>	<b>325</b>	
53.		Thực tập sư phạm 1	4	0	0	4	320		8 tuần
54.		Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	3	2	30	1	30	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết		Thực hành		Giờ tự học và giờ học khác	Ghi chú
				Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ		
55.		Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	2	30	1	30	90	
56.		Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	2	30	1	30	90	
57.		Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	1	15	1	30	55	
<b>2. Các học phần tự chọn</b>			<b>04</b>						
58.		Quản lý giáo dục mầm non	2	2	30	0	0	70	
59.		Phương pháp cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh	2	1	15	1	30	55	
60.		Phương pháp dạy múa và dàn dựng chương trình văn nghệ ở trường mầm non	2	0	0	2	60	40	
<b>Tổng cộng</b>			<b>19</b>	<b>7</b>	<b>105</b>	<b>8</b>	<b>240</b>	<b>405</b>	
				<i>Chưa kể tự chọn</i>					

<b>• HỌC KỲ VII</b>									
61.		Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý giáo dục đào tạo	2	2	30	0	0	70	
62.		Thực tập sư phạm 2	4	0	0	4	320		08 tuần
63.	TH1	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	0	7	420		10 tuần
	TH2	Hoặc học phần thay thế:	7	6	90	1	30	230	
		<i>Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non</i>	2	1	15	1	30	55	
		<i>Giáo dục môi trường trong trường mầm non</i>	2	2	30	0	0	70	
		<i>Các mô hình giáo dục mầm non trên thế giới</i>	3	3	45	0	0	105	
<b>Tổng cộng</b>			<b>13</b>	<b>6</b>	<b>90</b>	<b>1</b>	<b>30</b>	<b>230</b>	
				<i>Chưa kể THTN</i>					

## **E. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN (Brief descriptions of courses)**

### **1. Giáo dục thể chất \***

*Điều kiện tiên quyết: không*

Chương trình môn học Giáo dục thể chất nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

### **2. Giáo dục Quốc phòng - An ninh**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Sau khi học xong chương trình giáo dục Quốc phòng và an ninh sinh viên có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nên quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn. (Theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

### **3. Anh văn không chuyên 1**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Học phần này giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai đơn và một số điểm ngữ pháp khác như giới từ, mạo từ... Học phần còn giúp trang bị cho sinh viên vốn từ vựng và kỹ năng giao tiếp cơ bản về các chủ đề quen thuộc như tình bạn, mua sắm, ăn uống, giải trí, du lịch, thể thao, sức khỏe và văn hóa Anh, Mỹ qua kênh nói, viết (ngôn ngữ phát sinh), nghe và đọc (ngôn ngữ tiếp nhận). Ngoài ra, học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ, nhận thức đúng đắn về ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học để làm nền tảng cho việc học tập các học phần sau và phục vụ cho chuyên môn của người học sau này.

#### **4. Triết học Mác – Lênin**

*Điều kiện tiên quyết: không có*

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, sinh viên xây dựng thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. Học phần còn giúp sinh viên xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng, vận dụng sáng tạo triết học Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

#### **5. Tin học ứng dụng cơ bản**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, cách sử dụng bộ công cụ Office, một số kiến thức internet cơ bản cũng như luật pháp liên quan khi sử dụng công nghệ thông tin. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng sử dụng Microsoft Word, Excel, PowerPoint và internet. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về vai trò của công nghệ thông tin trong cuộc sống.

#### **6. Tâm lý học đại cương**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về những kiến thức về đối tượng nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; bản chất của hiện tượng tâm lý; các khái niệm cơ bản của tâm lý học; cơ sở sinh lý thần kinh của các hiện tượng tâm lý người; các quá trình nhận thức, xúc cảm tình cảm và ý chí, bản chất của nhân cách và các thuộc tính của nhân cách. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu tâm lý con người. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về đời sống tâm lý con người trong giao tiếp ứng xử, trong công tác giảng dạy và giáo dục.

#### **7. Giáo dục học đại cương**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, các phạm trù cơ bản của về khoa học giáo dục và xu hướng phát triển của giáo dục Việt Nam và trên thế giới. Vai trò của giáo dục và các yếu tố khác đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. Từ đó ứng dụng trong công tác dạy học và giáo dục trẻ mầm non.

## **8. Môi trường và phát triển**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Môi trường, phát triển, dân số và môi trường, vấn đề ô nhiễm môi trường, về quan hệ giữa tài nguyên, môi trường và sự phát triển... Từ đó giúp sinh viên nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa con người và môi trường, góp phần bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên phục vụ phát triển bền vững.

## **9. Logic học đại cương ( tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về logic học: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ, nguy biện, quy luật cơ bản của tư duy. Hình thành các kỹ năng phân tích cấu trúc của các phán đoán, các phép suy luận và chứng minh bác bỏ. Chủ động tìm tòi, phát hiện và khám phá các ứng dụng của logic học vào trong cuộc sống. Thể hiện cách làm việc nhóm hiệu quả; trình bày và đàm phán khoa học. Qua đó vận dụng vào trong học tập, cuộc sống.

## **10. Xã hội học đại cương ( tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các quy luật khách quan của quá trình phát triển xã hội, về bản chất của hiện thực xã hội, về mối tác động qua lại giữa con người và xã hội; xác định rõ nguồn gốc của các quá trình và hiện tượng xã hội. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng sống hài hòa với xã hội, có những biện pháp cải tạo hiện thực, phục vụ đời sống con người.

## **11. Cơ sở văn hóa Việt Nam ( tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa học và văn hóa Việt Nam: khái niệm văn hóa; các đặc trưng, chức năng và thành tố của văn hóa; những khái niệm cơ bản và hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam cùng những đặc trưng của chúng; diễn trình lịch sử văn hóa và các vùng văn hóa ở Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa quốc gia và văn hóa tộc người. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích một số vấn đề trong nghiên cứu văn hóa Việt Nam. Qua đó, sinh viên sẽ có những nhận thức đúng đắn về vai trò của văn hóa Việt Nam trong sự phát triển của cá nhân và cộng đồng.

## **12. Anh văn không chuyên 2**

*Điều kiện tiên quyết: Anh văn không chuyên 1*

Học Học phần này cung cấp khối kiến thức ở mức độ tiền trung cấp để người học



có thể sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp khá lưu loát (nghe, nói), đọc tài liệu bằng Tiếng Anh và viết thư, đoạn văn ngắn bằng Tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc như những cú sốc về văn hóa khi sinh sống hay học tập ở một nước khác, giờ giấc các bữa ăn trong ngày, thu nhập cá nhân và văn hóa Anh, Mỹ qua kênh nói, viết (ngôn ngữ phát sinh), nghe và đọc (ngôn ngữ tiếp nhận) và học các kỹ năng làm bài thi trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

Thêm vào đó, thông qua các hoạt động học tập môn học này, sinh viên phát triển được các phẩm chất cần thiết như khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức và chia sẻ thông tin, cũng như khả năng tổng quát vấn đề, thực hiện các nhiệm vụ học tập và tự chịu trách nhiệm đối với kết quả học tập về kiến thức và các kỹ năng giao tiếp, tạo cơ sở để người học tự bồi dưỡng kiến thức, trang bị khả năng tìm kiếm, tra cứu và nghiên cứu các tài liệu học tập và tham khảo cho các môn học khác trong chương trình đào tạo

### **13. Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

*Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên tư duy, kỹ năng phân tích đánh giá, nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường, xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên.

### **14. Pháp luật đại cương**

*Điều kiện tiên quyết: Không có*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng nghiên cứu về pháp luật: khái niệm, bản chất pháp luật; các quan hệ và quy phạm pháp luật; khái quát 11 ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; các hình thức pháp luật nói chung và các kiến thức, nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự làm cơ sở cho nghiên cứu Pháp luật kinh tế.

### **15. Sinh lý trẻ em lứa tuổi mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về sinh lý học trẻ em, sinh lý hệ thần kinh và các cơ quan phân tích của trẻ em, về đặc điểm cấu tạo và chức năng sinh lý hệ nội tiết và sinh dục; hệ cơ xương của trẻ em, hệ dinh dưỡng của trẻ em (hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết), sự trao đổi chất của trẻ em. Vận dụng vào tìm hiểu, ứng dụng và tổ chức dạy học và giáo dục phù hợp với đặc điểm sinh lý của lứa tuổi mầm non, giúp trẻ giữ vệ sinh và rèn luyện cơ thể.

**16. Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương*

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học trẻ em: đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của tâm lý học trẻ em; lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em; sự phát triển tâm lý của trẻ em lứa tuổi nhà trẻ, lứa tuổi mẫu giáo bé, mẫu giáo nhỡ, mẫu giáo lớn. Đồng thời hình thành cho sinh viên nhận diện và giải thích được những biểu hiện tâm lý của trẻ ở từng độ tuổi. Từ đó vận dụng vào việc chăm sóc, dạy học và giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.

**17. Tiếng Việt mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm và ngữ âm tiếng Việt hiện đại (âm tiết, hệ thống âm vị, chính âm, chính tả); từ vựng và từ vựng tiếng Việt hiện đại (cấu tạo từ, nghĩa của từ, các lớp từ); ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt hiện đại (từ loại tiếng Việt, câu và liên kết câu, văn bản); phong cách học và phong cách học tiếng Việt hiện đại (các phong cách chức năng ngôn ngữ, một bố biện pháp tu từ). Trên cơ sở đó giúp người học sử dụng tiếng Việt hiệu quả trong giao tiếp và phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

**18. Kỹ năng mềm**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tầm quan trọng cũng như các cách để rèn luyện và phát triển kỹ năng mềm. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng mềm cần thiết cho học tập và cho công việc. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn về cần thiết phải trang bị và vận dụng các kỹ năng mềm trong học tập, làm việc và cuộc sống.

**19. Lịch sử giáo dục mầm non ( tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các thời kỳ xây dựng và phát triển nhà trẻ Việt Nam, các giai đoạn xây dựng và phát triển mẫu giáo Việt Nam. Qua đó giúp sinh viên nhận thức đúng về quá trình phát triển của ngành giáo dục mầm non và vận dụng trong nghiên cứu học tập.

**20. Mĩ học đại cương ( tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mỹ học: quan hệ thẩm mỹ, bản chất, chức năng, đặc trưng của nghệ thuật và các phạm trù của mỹ học. Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng quan điểm, kiến thức, phương pháp giáo dục thẩm mỹ trong giảng dạy và giáo dục trẻ mầm non. Học phần giúp hình thành thế giới quan khoa học về các giá trị thẩm mỹ và tình cảm đúng đắn trong các quan hệ thẩm mỹ, yêu mến, trân trọng cái đẹp, biết sáng tạo ra cái đẹp.

### **21. Tâm lý học xã hội (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tâm lý xã hội. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề tâm lý xã hội. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về học tập học phần và tiếp cận các vấn đề tâm lý xã hội trong thực tế. Học phần là cơ sở để sinh viên tiếp cận tốt hơn các học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

### **22. Chủ nghĩa xã hội khoa học:**

*Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác - Lênin*

Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Trang bị những phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập học phần và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam; Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, bồi dưỡng, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng thông qua việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học

### **23. Anh văn không chuyên 3**

*Điều kiện tiên quyết: Anh văn không chuyên 2*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về những kiến thức căn bản tiếng Anh và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu châu Âu (CEFR); một số từ vựng phục vụ cho giao tiếp hàng ngày; các điểm ngữ pháp căn bản như từ loại, thì và một số mẫu câu đơn giản khác.

Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng đọc hiểu và xác định được ý chính và ý chi tiết của các bài đọc có chủ đề quen thuộc trong giao tiếp hàng ngày; nghe hiểu ý chính và ý chi tiết các bài đàm thoại; nói về các chủ đề quen thuộc trong giao tiếp hàng ngày sử dụng các cấu trúc câu đơn giản và một số từ vựng liên quan đến các chủ đề; viết một lá thư, một câu chuyện có độ dài khoảng 100 từ, và những dạng bài viết ngắn (lời nhắn, bưu thiếp khoảng 35-45 từ) sử dụng từ

vựng, cấu trúc câu đơn giản và dấu câu; học được các kỹ năng làm bài thi từ trình độ A1 – B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn về biết thêm cách giao tiếp bằng tiếng Anh qua các mẫu câu đàm thoại hàng ngày và sử dụng một số thủ thuật trong giao tiếp như hỏi xác định lại thông tin; rèn luyện được một số kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng trình bày trước lớp, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng ghi chú ý chính để thuyết trình và đàm thoại, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng lắng nghe người khác

#### **24. Mỹ thuật**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mỹ thuật và tạo hình: hình thức vẽ theo mẫu, cách thức vẽ đồ vật đen- trắng, vẽ tĩnh vật màu, vẽ trang trí, cắt chữ và trang trí các hình cơ bản và trang trí ứng dụng, vẽ tranh, cắt giấy, nghệ thuật nặn và tạo dáng. Đồng thời hình thành cho sinh viên kỹ năng tạo hình cơ bản, có thái độ yêu thích môn học. Qua đó vận dụng vào trong tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.

#### **25. Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non*

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về phát triển chương trình và lập kế hoạch giáo dục; lập kế hoạch tổ chức thực hiện và đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non; xây dựng môi trường giáo dục. Đồng thời hình thành kỹ năng lập kế hoạch giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục theo hướng đổi mới phù hợp với chương trình giáo dục mầm non hiện hành. Qua đó vận dụng linh hoạt và sáng tạo trong tổ chức thực hiện chương trình chăm sóc-giáo dục trẻ mầm non.

#### **26. Giáo dục học mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương*

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục học mầm non; nguyên tắc, mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục trẻ em ở lứa tuổi mầm non và các điều kiện giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non. Học phần cũng giúp sinh viên hình thành kỹ năng tổ chức các hoạt động cho trẻ ở trường mầm non hướng đến việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1. Đồng thời sinh viên có hứng thú và lòng yêu nghề, yêu trẻ, thái độ tích cực trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

#### **27. Âm nhạc mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Các khái niệm, các kí hiệu thông dụng dùng trong âm nhạc, các kỹ năng múa, hát; Biết cách xác định được giọng của tác phẩm âm nhạc, chọn tác phẩm phù hợp chất giọng của bản thân và biết cách chọn tác phẩm để dạy trẻ. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: Đàn, hát, kỹ năng khai thác tài liệu, làm việc nhóm. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về nghệ thuật âm nhạc; tình yêu âm nhạc, góp phần bảo tồn giá trị âm nhạc của dân tộc mình. Qua đó vận dụng trong hoạt động tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.

### **28. Văn học trẻ em**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản: về quá trình phát triển của văn học viết cho thiếu nhi Việt Nam và thế giới; kiến thức chuyên sâu về về đặc trưng văn học thiếu nhi cũng như các tác giả viết về văn học thiếu nhi của Việt Nam và nước ngoài; rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: đọc, viết, nói, nghe, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sư phạm như: giảng dạy, thuyết trình... Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn về môn học về nghề giáo viên mầm non. Qua đó vận dụng vào hoạt động dạy thơ - truyện cho trẻ ở trường mầm non.

### **29. Văn học dân gian Việt Nam ( tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức khái quát về đặc trưng của văn học dân gian Việt Nam bao gồm: đặc điểm, quá trình phát triển, các hình thức và đặc trưng từng thể loại của Văn học dân gian Việt Nam; nội dung và đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian (thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, ca dao, tục ngữ, về câu đố, sân khấu dân gian chèo). Học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng phân tích, vận dụng các tác phẩm văn học dân gian Việt Nam phục vụ cho hoạt động dạy học, giáo dục trẻ mầm non. Đồng thời hình thành thái độ yêu mến, giữ gìn, phát huy kho tàng văn học dân gian của dân tộc.

### **30. Lịch sử văn hóa giáo dục Việt Nam ( tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản cần thiết về văn hóa giáo dục truyền thống của dân tộc, từ hình thức giáo dục gia đình đến nhà trường. Sự quan tâm của các triều đại phong kiến trong việc đào tạo nhân tài. Cách thức tổ

chức thi cử và học vị trong khoa cử xưa. Qua đó, sinh viên có thể liên hệ sự giống và khác nhau giữa hai nền giáo dục truyền thống và hiện đại.

### **31. Dinh dưỡng trẻ mầm non ( tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Sinh lý trẻ em lứa tuổi mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng học, các chất dinh dưỡng, đặc điểm vệ sinh thực phẩm, về dinh dưỡng trẻ em, vấn đề dinh dưỡng trong thời kì chuyển tiếp và cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em Việt Nam. Qua đó hình thành kỹ năng xây dựng khẩu phần ăn và chọn thức ăn phù hợp cho trẻ ở trường mầm non. Học phần giúp sinh viên có thái độ đúng đắn trong chăm sóc, giáo dục dinh dưỡng cho trẻ mầm non.

### **32. Anh văn không chuyên 4**

*Điều kiện tiên quyết: Anh văn không chuyên 3*

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức tiếng Anh ở mức độ trung cấp để người học có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp khá lưu loát (nghe, nói), đọc tài liệu bằng tiếng Anh và viết thư có độ dài khoảng 100 từ, đoạn văn ngắn bằng tiếng Anh về các tình huống trong xã hội và học tập, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc CEFR.

Thêm vào đó, thông qua các hoạt động học tập môn học này, sinh viên phát triển được các phẩm chất cần thiết như khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức và chia sẻ thông tin, cũng như khả năng tổng quát vấn đề, thực hiện các nhiệm vụ học tập và tự chịu trách nhiệm đối với kết quả học tập về kiến thức và các kỹ năng giao tiếp, tạo cơ sở để người học tự bồi dưỡng kiến thức, trang bị khả năng tìm kiếm, tra cứu và nghiên cứu các tài liệu học tập và tham khảo cho các môn học khác trong chương trình đào tạo.

### **33. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

*Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Nguồn gốc, cơ sở, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: Phân tích, so sánh, tổng hợp vấn đề; kỹ năng thuyết trình... Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn về các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.

### **34. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động vui chơi của trẻ tại trường mầm non; nội dung, phương pháp hướng dẫn và tổ chức trò chơi cho

trẻ từ 0-6 tuổi. Đồng thời hình thành cho sinh viên kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động vui chơi theo chế độ sinh hoạt ở trường mầm non phù hợp với từng độ tuổi. Thông qua đó sinh viên thể hiện được tính chủ động, tích cực và sáng tạo trong cuộc sống, học tập và giáo dục trẻ.

### **35. Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về giáo dục tích hợp và tiếp cận giáo dục tích hợp; cách thức tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non. Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non. Học phần còn giúp sinh viên linh hoạt, sáng tạo trong học tập và cuộc sống.

### **36. Ứng dụng công nghệ thông tin trong Giáo dục mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Tin học ứng dụng cơ bản*

Môn học giúp sinh viên biết cách sử dụng được một số phương tiện phục vụ giảng dạy; sử dụng một số phần mềm thông dụng trong dạy học; sử dụng Internet để trao đổi thông tin giữa giáo viên với giáo viên và giữa giáo viên với phụ huynh.

### **37. Lý luận và phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường quanh**

*Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vai trò, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức các hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh; Hình thành ở sinh viên kỹ năng tổ chức các hoạt động khám phá khoa học cho trẻ theo trình độ nhận thức, hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của địa phương theo hướng tích hợp. Bồi dưỡng hứng thú học tập, tình cảm nghề nghiệp, có thái độ đúng đắn với môi trường xung quanh, sáng tạo các hoạt động mới trong thiết kế giáo án cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.

### **38. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non. Trong đó cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, các phương pháp trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non; các kỹ thuật cần thiết để tiếp cận nghiên cứu và cách trình bày kết quả nghiên cứu khoa học. Qua đó giúp sinh viên nắm vững bố cục, cách thức, những kỹ năng cần thiết để thực hiện các bài nghiên cứu khoa học, đặc biệt là khóa luận tốt nghiệp.

**39. Kiến tập sư phạm**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Học phần này tạo cơ hội cho sinh viên tiếp cận và tìm hiểu về loại hình trường lớp phục vụ cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ;

**40. Lý luận dạy học mầm non hiện đại ( tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quá trình dạy học mầm non ; các nguyên tắc của quá trình dạy học; các yếu tố trong nội dung dạy học; các hình thức tổ chức dạy học và những vấn đề cơ bản về phương pháp giảng dạy hiện đại. Từ đó vận dụng vào việc tổ chức dạy học ở trường mầm non.

**41. Tâm lý học gia đình và giáo dục gia đình ( tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về tâm lý gia đình và giáo dục gia đình; chức năng của gia đình; các mối quan hệ gia đình; nội dung tâm lý của nếp sống, truyền thống, thói quen của gia đình và sự hình thành nhân cách trẻ ; phương pháp giáo dục trong gia đình; mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục trẻ trong gia đình. Đồng thời hình thành kỹ năng sử dụng các phương pháp giáo dục trẻ và phối hợp với cha mẹ trẻ trong chăm sóc, dạy học và giáo dục trẻ mầm non.

**42. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

*Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh*

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018 của Đảng. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích, thuyết trình, làm việc nhóm. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về Đảng, quá trình ra đời, lãnh đạo của Đảng; tôn trọng thực tế khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

**43. Vệ sinh – Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Sinh lý trẻ em lứa tuổi mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh thường gặp; cách thức vệ sinh môi trường ở trường mầm non; vệ sinh trong sinh hoạt; vệ sinh trang phục, theo dõi và chăm sóc sức khỏe, giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ; một số tai nạn thường gặp ở trẻ, những nguyên tắc cơ bản về phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ. Học phần hình thành cho sinh viên kỹ năng vệ sinh và xử lý các tình huống nảy sinh trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Đồng thời có ý thức cẩn thận, tỉ mỉ trong chăm sóc-



giáo dục trẻ, quan tâm, yêu thương trẻ. Từ đó vận dụng vào chăm sóc- giáo dục trẻ ở trường mầm non.

#### **44. Nghề giáo viên mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non như: khái niệm, nhiệm vụ, hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non, các kỹ năng nghề nghiệp, giao tiếp sư phạm, khó khăn và những tình huống sư phạm trong công tác nghề nghiệp của giáo viên mầm non; định hướng và tiếp cận nghề nghiệp. Hình thành kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, cha mẹ và đồng nghiệp, cộng đồng; kỹ năng tiếp cận nghề nghiệp. Học phần giúp hình thành cho sinh viên lòng yêu trẻ, yêu nghề, ý thức rõ ràng về nghề nghiệp tương lai, phấn đấu hoàn thiện bản thân trong quá trình học tập và rèn luyện.

#### **45. Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phát triển ngôn ngữ: Khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm, nội dung, phương pháp và biện pháp dạy cho trẻ nghe và phát âm đúng, phát triển vốn từ cho trẻ, nói đúng ngữ pháp, phát triển lời nói mạch lạc cho trẻ và làm quen với việc đọc - viết của trẻ mầm non; Hình thành ở sinh viên kỹ năng sử dụng và phối hợp các biện pháp trong tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Kích thích được hứng thú, khơi dậy sáng tạo và động lực tự học của sinh viên, vun đắp lòng yêu nghề, yêu tiếng nói dân tộc và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Qua đó vận dụng vào việc tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

#### **46. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non; những phương pháp – phương tiện dạy trẻ ca hát, dạy trẻ nghe nhạc; cách thức tổ chức trò chơi âm nhạc cho trẻ; các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc trong đời sống hàng ngày của trẻ ở trường mầm non. Đồng thời học phần giúp sinh viên rèn kỹ năng giảng dạy - chăm sóc trẻ ở trường mầm non thông qua môn âm nhạc. Học phần hình thành ở trẻ tình yêu nghề, yêu trẻ, biết vận dụng âm nhạc để giáo dục, nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ.

#### **47. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức lý luận cơ bản về cách tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. Đồng thời hình thành cho sinh viên các

kỹ năng sử dụng phương pháp, hình thức hướng dẫn tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ ở các độ tuổi mầm non. .... Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về yêu thích, hứng thú với môn học, tính tự chủ, mạnh dạn, tự tin, sáng tạo trong hoạt động dạy học, giáo dục cho trẻ mầm non.

#### **48. Tâm bệnh học trẻ em và giáo dục hòa nhập ở trường mầm non (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non, Giáo dục học mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về những trạng thái tâm lý bất thường ở trẻ; phát hiện sớm những biểu hiện rối nhiễu tâm lý, những nguyên nhân gây nên; những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập, các hình thức tổ chức giáo dục hòa nhập; các nguyên tắc giáo dục hòa nhập; chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập; giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt. Trên cơ sở đó hình thành kỹ năng nghiên cứu, phân tích tâm bệnh lý; giải thích các hiện tượng tâm lý theo quan điểm khoa học; hỗ trợ việc chăm sóc, phòng tránh những tâm bệnh lý thường gặp ở trẻ trong trường mầm non, vận dụng vào tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non.

#### **49. Giao tiếp sư phạm mầm non (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về tâm lý học về giao tiếp; giao tiếp sư phạm; hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; giao tiếp sư phạm trong trường mầm non. Hình thành cho sinh viên một số kỹ năng giao tiếp ứng xử trong môi trường sư phạm và trong công tác giáo dục trẻ mầm non. Bồi dưỡng cho sinh viên có tình yêu thương đối với trẻ em và thấy được vai trò trách nhiệm của mình trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

#### **50. Trò chơi dân gian cho trẻ mầm non (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về trò chơi dân gian Việt Nam, một số trò chơi dân gian thông thường cho trẻ; hướng dẫn cách thức tổ chức các loại trò chơi theo các hình thức: đóng vai, xây dựng, học tập và trò chơi âm nhạc cho trẻ. Hình thành cho sinh viên kỹ năng xây dựng và tổ chức trò chơi dân gian cho trẻ mầm non. Học phần còn giúp sinh viên yêu quý và giữ gìn các giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc. Từ đó vận dụng vào việc tổ chức các ngày lễ, hội, sinh hoạt tập thể cho trẻ ở trường mầm non.

#### **51. Thực tập sư phạm 1**

*Điều kiện tiên quyết: Kiến tập sư phạm*

Học phần này giúp sinh viên củng cố vận dụng kiến thức tâm lý học, giáo dục học và các học phần phương pháp; tiếp tục rèn luyện kỹ năng quan sát, nghiên cứu

đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; kỹ năng tổ chức, quản lý, điều khiển lớp; rèn luyện kỹ năng giao tiếp với phụ huynh và cộng đồng; kỹ năng thiết kế, tổ chức thực hiện chương trình ở trường mầm non.

## **52. Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Toán cơ sở; Giáo dục học mầm non*

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về: Vai trò, nhiệm vụ, nội dung phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ; Các phương pháp chung và hình thức tổ chức dạy trẻ làm quen với các biểu tượng ban đầu về toán cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp; Các phương pháp hình thành biểu tượng về: số lượng, con số và phép đếm; kích thước; hình dạng; định hướng trong không gian; định hướng thời gian cho trẻ mầm non. Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch giảng dạy và tổ chức các trò chơi giúp trẻ làm quen với toán; kỹ năng xử lý tình huống sư phạm; kỹ năng làm đồ dùng, đồ chơi. Qua đó giúp sinh viên chủ động tìm tòi, phát hiện và khám phá các ứng dụng phương pháp hình thành biểu tượng ban đầu về toán cho trẻ mầm non. Yêu thích môn học, cách hình thành một biểu tượng toán cho trẻ trong cuộc sống, hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn về nghề giáo viên mầm non.

## **53. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Sinh lý trẻ em lứa tuổi mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản của giáo dục thể chất: Đặc điểm sinh lý vận động của trẻ; cơ sở lý luận của phương pháp giáo dục thể chất; nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục thể chất; điều kiện thực hiện công tác giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Qua đó hình thành kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ ở từng độ tuổi. Học phần cũng giúp sinh viên ý thức rèn luyện thể chất, yêu thích thể dục, thể thao. Từ đó vận dụng vào hoạt động dạy học và giáo dục trẻ ở trường mầm non.

## **54. Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học**

*Điều kiện tiên quyết: Văn học trẻ em*

Học phần giúp sinh viên nhận biết ý nghĩa, nhiệm vụ của việc cho trẻ làm quen văn học; đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ trước tuổi học; nội dung chương trình cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; phương pháp, biện pháp, hình thức cho trẻ làm quen văn học; cách thức tổ chức cho trẻ mầm non làm quen thơ truyện. Học phần hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch tổ chức và thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học. Đồng thời hình thành, phát

triển lòng say mê, ham thích học hỏi, luôn tin tưởng vào sự thành công của bản thân trong học tập và cuộc sống.

### **55. Đánh giá trong giáo dục mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non. Hình thành cho sinh viên kỹ năng: đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non; đánh giá chương trình giáo dục mầm non; đánh giá nghề nghiệp giáo viên mầm non; đánh giá kết quả giáo dục trẻ qua đó giúp sinh viên có ý thức nghề nghiệp đúng đắn.

### **56. Quản lý giáo dục mầm non ( tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Nghề giáo viên mầm non*

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về trường mầm non và nghiệp vụ quản lý trường mầm non. Hình thành kỹ năng giải quyết tình huống trong quản lý; kỹ năng lập kế hoạch, đánh giá thực trạng quản lý ở trường mầm non. Giáo dục sinh viên ý thức phấn đấu; rèn luyện phẩm chất, năng lực khi tham gia công tác quản lý ở trường mầm non.

### **57. Phương pháp cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh ( tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về việc cho trẻ làm quen với tiếng Anh, quá trình hình thành cho trẻ kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo từng lứa tuổi cụ thể. Đồng thời, hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh. Qua đó giúp sinh viên mạnh dạn, tự tin và hứng thú sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp.

### **58. Phương pháp dạy múa và dàn dựng chương trình văn nghệ ở trường mầm non ( tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non .*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về loại hình nghệ thuật múa; phương pháp – phương tiện dạy trẻ múa/vận động theo nhạc và phương pháp tổ chức chương trình văn nghệ, các hoạt động lễ - hội ở trường mầm non. Đồng thời học phần hình thành cho sinh viên kỹ năng múa với những động tác múa cơ bản, dựng được những bài múa đơn giản ở trường mầm non; tổ chức được những chương trình văn nghệ (lễ/hội) theo chủ đề tại trường mầm non. Thông qua học phần hình thành ở sinh viên tình yêu âm nhạc; yêu nghề; yêu trẻ; say mê sáng tạo

trong tổ chức các hoạt động nghệ thuật ở trường mầm non. Học phần được áp dụng tích hợp để giảng dạy các học phần phương pháp khác.

### **59. Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý giáo dục đào tạo**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Nhà nước, Quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức; đường lối quan điểm của Đảng và nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật Giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với giáo dục.

### **60. Thực tập sư phạm 2**

*Điều kiện tiên quyết: Thực tập sư phạm 1*

Học phần này giúp sinh viên tiếp tục tích lũy được những kiến thức, kinh nghiệm về các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo độ tuổi; quan sát, nghiên cứu, đánh giá sự phát triển của trẻ; biết cách lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; giao tiếp với trẻ, với cán bộ, giáo viên trong trường và với phụ huynh của trẻ. Từ thực tế vận dụng vào nghiên cứu các đề tài về chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non.

### **61. Khóa luận tốt nghiệp**

*Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành tất cả các môn trong chương trình*

Sinh viên được giáo viên hướng dẫn gợi ý, phân công thực hiện một đề tài nghiên cứu chuyên sâu ở mức độ cao thuộc các môn chuyên ngành Giáo dục mầm non. Qua học phần này, sinh viên có điều kiện mở rộng kiến thức, tích lũy kinh nghiệm chuyên môn; biết ứng dụng các phương pháp nghiên cứu tạo điều kiện cho việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy ở trường mầm non trong tương lai.

### **62. Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giáo dục kỹ năng sống; quá trình hình thành kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo; mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo; lập kế hoạch, đánh giá giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo. Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Qua đó giúp sinh viên có thái độ tích cực, linh hoạt, sáng tạo trong học tập và cuộc sống.

### **63. Giáo dục môi trường trong trường mầm non**

*Điều kiện tiên quyết: Môi trường và phát triển*

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Giáo dục môi trường; xác định mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung giáo dục môi trường trong trường mầm non; các hoạt động cơ bản trong giáo dục môi trường cho trẻ mầm non. Từ đó hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức giáo dục

môi trường cho trẻ ở trường mầm non. Đồng thời rèn luyện và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; ủng hộ các hoạt động bảo vệ môi trường.

#### 64. Các mô hình giáo dục mầm non trên thế giới

*Điều kiện tiên quyết: Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.*

Học phần giúp sinh viên có kiến thức chung về chương một số mô hình giáo dục mầm non cổ điển và hiện đại tiêu biểu trên thế giới. Biết phân tích một số mô hình giáo dục mầm non cổ điển và hiện đại tiêu biểu trên thế giới: Steiner, Froebel, Montessori, Reggio Emilia, High Scope, Te Whariki...; mô hình giáo dục mầm non ở các nước Bắc Âu (Thụy Điển, Phần Lan, Na Uy), Châu Á (Singapore, Hàn Quốc, Nhật). Trên cơ sở đó, học phần giúp người học hình thành thái độ tích cực, sáng tạo trong tiếp cận đổi mới chương trình giáo dục.

#### F. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Course syllabuses)

*Phụ lục F đính kèm*

#### G. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH (Teaching staff)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo	Học phần sẽ giảng dạy (dự kiến)
1	Đình Hồng Thái	1952	PGS. Tiến sĩ Giáo dục học	1. Tiếng Việt mầm non 2. Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non
2	Nguyễn Văn Hồng	1961	Tiến sĩ Giáo dục học	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non 2. Lịch sử văn hóa giáo dục Việt Nam; 3. Lịch sử giáo dục mầm non
3	Lê Minh Hà	1957	Tiến sĩ Tâm lý học	1. Tâm lý học đại cương 2. Tâm bệnh học trẻ em và giáo dục hòa nhập trường mầm non 3. Tâm lý học gia đình và giáo dục gia đình;
4	Phan Thị Lan Anh	1960	Tiến sĩ Giáo dục học	1. Lý luận và phương pháp cho trẻ mầm non khám phá về môi trường xung quanh 2. Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non 3. Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo</b>	<b>Học phần sẽ giảng dạy (dự kiến)</b>
5	Nguyễn Thị Thanh Bình	1955	Tiến sĩ Giáo dục học	1. Giáo dục học mầm non 2. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non 3. Các mô hình giáo dục mầm non trên thế giới
6	Đặng Huỳnh Mai	1950	Tiến sĩ Giáo dục học	1. Giáo dục học đại cương 2. Xã hội học đại cương
7	Võ Hoàng Khải	1951	Tiến sĩ Văn hóa học Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Quản lý Hành chính nhà nước và quản lý giáo dục & đào tạo
8	Phan Thị Nở	1974	Tiến sĩ Lý luận và phương pháp dạy học ngữ văn	1. Lý luận dạy học mầm non hiện đại 2. Văn học trẻ em 3. Phương pháp dạy tác phẩm văn học thiếu nhi
9	Liêu Thanh Tâm	1980	Tiến sĩ Quản lý giáo dục	1. Quản lý trong giáo dục mầm non 2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non
10	Lâm Thị Bạch Tuyết	1972	Cử nhân Sư phạm Toán Thạc sĩ Quản lý giáo dục	1. Toán cơ sở 2. Logic học đại cương 3. Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng Toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non
11	Nguyễn Thị Hoàng Yên	1977	Thạc sĩ Tâm lý học	1. Giao tiếp sư phạm mầm non 2. Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non; 3. Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non
12	Liêu Thị Thùy Trang	1966	Thạc sĩ Giáo dục học	1. Đánh giá trong giáo dục mầm non 2. Mĩ thuật 3. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non
13	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	1964	Thạc sĩ Văn học Việt Nam	Mĩ học đại cương
14	Trần Văn Tuấn	1977	Thạc sĩ Văn học nước ngoài	1. Cơ sở văn hóa Việt Nam 2. Văn học dân gian

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo	Học phần sẽ giảng dạy (dự kiến)
15	Phạm Thị Mỹ Duyên	1980	Thạc sĩ Giáo dục học	1.Môi trường và phát triển 2.Giáo dục môi trường trường trường mầm non
16	Lê Thị Mộng Thường	1977	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học Sinh	1.Sinh lý trẻ em lứa tuổi mầm non 2.Vệ sinh - Phòng bệnh & đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non; 3. Dinh dưỡng trẻ mầm non
17	Nguyễn Thị Kim Biên	1982	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc	1.Âm nhạc mầm non 2.Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non 3.Phương pháp dạy múa và dàn dựng chương trình văn nghệ ở trường mầm non
18	Võ Thanh Hương	1991	Thạc sĩ Giáo dục mầm non	1. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. 2.Trò chơi dân gian cho trẻ 3.Phương pháp cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh
Và các giảng viên khác thuộc Khoa Ngoại ngữ, Khoa khoa học cơ bản, Khoa Kỹ thuật công nghệ, TT. Giáo dục Quốc phòng – An ninh				

## H. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP (Learning resources)

### I. Cơ sở vật chất (Infrastructure)

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ/học phần	
1	Phòng Dinh dưỡng	50.20			Dinh dưỡng trẻ mầm non	
2	Phòng Âm nhạc	75.20	Đàn	40	Âm nhạc mầm non	
3	Phòng Mĩ thuật	50.20	Giá vẽ	45	Mĩ thuật Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	
4	Phòng tập múa	100.20			Phương pháp dạy múa và dàn dựng chương	



Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ/học phần	
					trình văn nghệ ở trường mầm non	
5	Phòng tập giảng	50.20	Máy chiếu Bảng		Các môn phương pháp khác	

## II. Danh mục sách, giáo trình (Books)

TT	Tên Sách, giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần	Ghi chú
1	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội	2016 ( tái bản)	Tâm lí học đại cương	
2	Giáo dục học đại cương	Trần Thị Hương	Nhà xuất bản Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	2017	Giáo dục học đại cương	
3	Môi trường và phát triển bền vững	Nguyễn Đình Hòa	Nhà xuất bản Giáo dục	2017	Môi trường và phát triển	
4	Logic học	Nguyễn Chương Nhiếp	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh,	2016	Logic học đại cương	
5	Xã hội học đại cương	Thanh Lê	Nhà xuất bản Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	2019 ( tái bản )	Xã hội học đại cương	
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	Nhà xuất bản Giáo dục	2014 Tái bản	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
7	Sinh lý học trẻ em	Phan Thanh Hà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2009	Sinh lý trẻ em lứa tuổi mầm non	
8	Sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	2016	Tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non	

TT	Tên Sách, giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần	Ghi chú
9	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Đức Dân, Trần Thị Ngọc Lang	Nhà xuất bản Khoa học xã hội và nhân văn	2012	Tiếng Việt mầm non	
10	Mĩ học đại cương	Đỗ Văn Khang	Nhà xuất bản Đại học quốc gia	2016	Mĩ học đại cương	
11	Tâm lý học xã hội	Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn	Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm.	2014	Tâm lý học xã hội	
12	Giáo trình Mĩ thuật cơ bản	Ngô Bá Công	Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm	2008	Mỹ thuật	
13	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục MN	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	2016	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	
14	Giáo dục học mầm non	Đình Văn Vang	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	2016	Giáo dục học mầm non	
15	Âm nhạc và múa	Lê Đức Sang	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	2016	Âm nhạc mầm non	
16	Văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm	Lã Thị Bắc Lý	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	2016	Văn học trẻ em	
17	Vệ sinh dinh dưỡng	Lê Thị Mai Hoa	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	2016	Dinh dưỡng trẻ mầm non	
18	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	Đình Văn Vang	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	2016	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	
19	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	Nguyễn Thị Hoà,	Nhà xuất bản Đại học sư phạm	2010	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	

TT	Tên Sách, giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần	Ghi chú
20	Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Hoàng Thị Oanh	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	2016	Lý luận và phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	
21	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên)	Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội	2016	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	
22	Lý luận dạy học hiện đại	Bùi Thị Mùi	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ	2018	Lý luận dạy học mầm non hiện đại	
23	Tâm lý học gia đình	Ngô Công Hoàn	Nhà xuất bản Đại học sư phạm	2016 Tái bản	Tâm lý học gia đình và giáo dục gia đình	
24	Giáo dục gia đình	Ngô Công Hoàn	Nhà xuất bản Đại học sư phạm	2016 Tái bản		
25	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	Lê Thị Mai Hoa	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2016	Vệ sinh – Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	
26	Vệ sinh - dinh dưỡng	Lê Thị Mai Hoa	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	2016		
27	Nghề giáo viên mầm non	Hồ Lam Hồng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2016	Nghề giáo viên mầm non	
28	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Đình Hồng Thái	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2016	Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	
29	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	Phạm Thị Hòa	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2016	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	

TT	Tên Sách, giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần	Ghi chú
30	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	Lê Thanh Thủy	Nhà xuất bản Đại học sư phạm.	2014	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	
31	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Thị Như Mai	Nhà xuất bản Đại học sư phạm	2020 ( tái bản)	Tâm bệnh học trẻ em và giáo dục hòa nhập ở trường mầm non	
32	Giáo dục hòa nhập ở trường mầm non	Trần Thiệp Thiệp	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2016		
33	Giao tiếp sư phạm	Ngô Công Hoàn	Nhà xuất bản Đại học sư phạm	2016 Tái bản	Giao tiếp sư phạm mầm non	
34	Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non	Đỗ Thị Minh Liên	Nhà xuất bản Đại học sư phạm	2020	Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	
35	Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	Đặng Hồng Phương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2016	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	
36	Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	Lã Thị Bắc Lý- Lê Thị Ánh Tuyết	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2008	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	
37	Đánh giá trong giáo dục mầm non	Đinh Kim Thoa	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2016	Đánh giá trong giáo dục mầm non	
38	Quản lý giáo dục mầm non	Phạm Thị Châu	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2016	Quản lý giáo dục mầm non	

TT	Tên Sách, giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần	Ghi chú
39	Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc	Đình Xuân Đại	Nhà xuất bản Hà Nội	2017	Phương pháp dạy múa và dàn dựng chương trình văn nghệ ở trường mầm non	
40	Giáo trình Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non,	Hoàng Thị Phương	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.	2011	Giáo dục môi trường trong trường mầm non	

## I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program guidelines)

Chương trình đào tạo **Giáo dục Mầm non** trình độ đại học được soạn thảo để sử dụng tại Trường Đại học Trà Vinh.

Toàn bộ khối lượng chương trình phải được thực hiện, phát huy triệt để khối lượng kiến thức quy định theo từng học phần cụ thể; kiến thức lý thuyết và thực hành phải có tính thống nhất, liên tục và bổ trợ cho nhau.

1. Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá.

2. Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện **tối thiểu** 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, cụ thể như sau:

= 15 giờ học lý thuyết

= 30 giờ thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận

3. Đối với hoạt động thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện:

= 45 giờ (~ 1 tuần) làm đồ án học phần

= 40-60 giờ (~1-1,5 tuần) thực tập, thực hành tại trại thực nghiệm, trung tâm sản xuất, Bệnh viện của Trường Đại học Trà Vinh.

= 60 giờ (~ 1,5 tuần) làm tiểu luận, niên luận, bài tập lớn, hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

= 80 giờ (~ 2 tuần) thực tập tại cơ sở bên ngoài, thực tập cuối khóa.

= 120 giờ (~ 3 tuần) đối với học phần Dự án cộng đồng (nếu có).

4. Độ dài thời gian cho:

- Đồ án, khóa luận tốt nghiệp trình độ đại học = 7 tín chỉ (~10 -15 tuần)
- Một giờ học được tính bằng 50 phút.

5. Học phần Anh văn không chuyên, học phần Kỹ năng mềm, học phần Dự án cộng đồng và các học phần đặc thù khác của trường được tổ chức và đánh giá theo quy định của Trường Đại học Trà Vinh.

#### **J. ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program evaluation and improvement)**

Việc rà soát, cải tiến CTĐT được thực hiện theo các qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và/hoặc theo qui định của các chuẩn kiểm định.

**TRƯỞNG KHOA SƯ PHẠM**

**TRƯỞNG BỘ MÔN  
SƯ PHẠM MẦM NON  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hoàng Yến**

**HIỆU TRƯỞNG**

**CHỦ TỊCH HĐ KH&ĐT**

## **K. CĂN CỨ CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Chuẩn đầu ra được ban hành cùng chương trình đào tạo.

Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

Kế hoạch số 2880/KH-ĐHT ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh về việc rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo, áp dụng từ khóa 2021.

Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT- BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi bổ sung bởi thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư 50 /2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo.